

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1847/2024/DS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phú

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1518/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 660/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn là Công ty cổ phần A (tên cũ: Công ty TNHH M); địa chỉ trụ sở: đường N, phường T, thành phố V, tỉnh X; *Người đại diện hợp pháp* là ông C, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2024), địa chỉ: đường K, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

Bị đơn là bà B, sinh năm 1989; địa chỉ: đường Z, Phường D, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2023, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng cầm cố số H1M200801008NA18X về việc bị đơn cầm cố một chiếc xe gắn máy nhãn

hiệu Honda Airblade mang biển số 59S2-860.22 thuộc quyền sử dụng của bị đơn, thời hạn cầm cố là 12 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, phí thẩm định tài sản là 4% mỗi tháng dựa trên dư nợ thực tế với bị đơn. Nguyên đơn đã giải ngân số tiền 19.140.000 cho bị đơn vào ngày 17 tháng 8 năm 2020 và cùng ngày bị đơn đã mượn lại xe cầm cố. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn trả được 13.084.000 đồng (tiền gốc là 8.170.471 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.051.862 đồng, tiền lãi quá hạn: 36.712 đồng, phí thẩm định tài sản: 3.824.954 đồng) Tính đến ngày 17 tháng 7 năm 2024, bị đơn còn nợ số tiền 18.209.418 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn phải trả số tiền nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu bị đơn không thanh toán đủ số tiền trên thì bị đơn phải trả lại chiếc xe đã cầm cố là xe Honda Airblade mang biển số 59S2-860.22 để hai bên thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản, giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, nhưng cho đến nay vẫn không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo. Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, nhưng bị đơn cũng không đến Tòa án để tham gia vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn giao trả lại chiếc xe Honda Airblade, biển số 59S2-860.22, số khung: 6324HZ007205, số máy: JF63E2008961. Chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tính đến ngày 06 tháng 9 năm 2024 là 18.625.710 đồng. Sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 292, 309, 311, 312, 314, 315 và 316 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn trả cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phát sinh đến ngày 06 tháng 9 năm 2024 số tiền là 18.625.710 đồng;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh lý tài sản cầm cố là chiếc xe Honda Airblade mang biển số 59S2-860.22 đã được cầm cố và cho mượn lại của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải giao trả lại chiếc xe Honda Airblade mang biển số 59S2-860.22, số khung: 6324HZ007205, số máy: JF63E2008961. Xét thấy việc rút yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Căn cứ Hợp đồng cầm cố số H1M200801008NA18X ngày 17 tháng 8 năm 2020, phiếu chi ngày 17 tháng 8 năm 2020, có đủ cơ sở để xác định nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 19.140.000 đồng và nhận cầm cố của bị đơn chiếc xe Honda Airblade mang biển số 59S2-860.22, số khung: 6324HZ007205, số máy: JF63E2008961 được đăng ký giao dịch trên hệ thống đăng ký trực tuyến của cục đăng ký quốc gia. Do bị đơn không trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn khi đến hạn, nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền tính đến ngày 06 tháng 9 năm 2024 với số tiền là 18.625.710 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 4 của hợp đồng cầm cố và Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tính đến ngày 06 tháng 9 năm 2024 là 7.656.181 đồng, bao gồm: nợ lãi trong hạn: 5.104.121 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.552.060 đồng. Xét thấy bị đơn ngưng trả lãi từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến nay là vi phạm quy định tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo bảng tính lãi chi tiết ngày 06 tháng 9 năm 2024 là có cơ sở và phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 hướng dẫn áp dụng một

số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên chấp nhận

[3.4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.5] Ngay sau khi bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cầm cố số H1M200801008NA18X ngày 17 tháng 8 năm 2020 thì Công ty cổ phần A có trách nhiệm giao trả lại cho bà B bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy đứng tên B.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 18.625.710 đồng x 5% = 931.286 đồng;

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 626.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0028107 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 311, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A (tên cũ: Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam), buộc bà B phải trả số tiền tính đến ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo hợp đồng cầm cố số H1M200801008NA18X ngày 17 tháng 8 năm 2020 là 18.625.710 đồng (tiền nợ gốc: 10.969.529 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.104.121 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.552.060 đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ngay sau khi bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cầm cố số H1M200801008NA18X ngày 17 tháng 8 năm 2020, thì Công ty cổ phần A có trách nhiệm giao trả lại cho bà B bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy đứng tên B.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty cổ phần A về việc yêu cầu bị đơn giao trả lại chiếc xe Honda Airblade mang biển số 59S2-860.22, số khung: 6324HZ007205, số máy: JF63E2008961 mà bà B đã mượn.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà B phải chịu án phí là: 931.286 (Chín trăm ba mươi một ngàn hai trăm tám mươi sáu) đồng;

Công ty cổ phần A (tên cũ: Công ty TNHH M) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 626.000 (Sáu trăm hai mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0028107 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- VKSND TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Linh Phượng